

Nhìn lại quá trình phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa trong thời kỳ đổi mới

Ngô Thăng Lợi^(*)

Tóm tắt: Bài viết phân tích và đánh giá quá trình thay đổi nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa theo thời gian. Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo, nhận thức của Đảng về nội hàm công nghiệp hóa luôn có sự hoàn thiện, phù hợp với sự thay đổi của các điều kiện trong nước và quốc tế cũng như yêu cầu thực tiễn đặt ra. Tuy nhiên, việc hiểu một cách đồng bộ về nội hàm của công nghiệp hóa, cũng như về mô hình thực hiện công nghiệp hóa, kể cả về nội dung và điều kiện thực hiện đều chưa đầy đủ, điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện công nghiệp hóa trong nhiều năm qua. Với quan điểm cho rằng công nghiệp hóa vẫn là mục tiêu và nội dung hàng đầu trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bài viết khẳng định ba yếu tố kinh tế cần được “kích” mạnh và xem như là đòn bẩy thực hiện công nghiệp hóa ở Việt Nam trong thời gian tới là: (i) Đẩy mạnh khu vực kinh tế tư nhân; (ii) Hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường; và (iii) Coi hội nhập quốc tế là động lực trực tiếp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình công nghiệp hóa áp dụng trong những năm tiếp theo.

Từ khóa: Công nghiệp hóa, Mô hình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Mô hình công nghiệp hóa hỗn hợp, Mô hình công nghiệp hóa rút ngắn, Mô hình công nghiệp hóa rút ngắn-hiện đại-hội nhập quốc tế

Abstract: The article analyzes and examines the Communist Party of Vietnam's change in perception of industrialization over time which has evolved in response to both domestic and international contexts and practical requirements. However, there is a lack in comprehensive understanding of industrialization and its possible models, both in terms of content and implementation conditions, which has for years significantly affected the results. Recognizing industrialization as the linchpin for the nation's socio-economic development, this article identifies three critical economic factors that need to be stimulated intensely and considered as leverage for industrialization in Vietnam in the coming time: (i) Emphasis on the private economic sector; (ii) Fine-tuning of market economy mechanisms; and (iii) Viewing international integration as a direct driving force. Drawing from these insights, it then outlines a forward-looking model for industrialization that Vietnam should consider for its future growth.

Keywords: Industrialization, Socialist Industrialization Model, Mixed Industrialization Model, Accelerated Industrialization Model, Modern Accelerated Industrialization Model with International Integration

^(*)GS.TS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: loisonglong@yahoo.com

1. Đặt vấn đề

Công nghiệp hóa (CNH) là quá trình chuyển đổi nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp thành nền kinh tế công nghiệp hiện đại, đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng xã hội dựa trên nền văn minh công nghiệp. CNH bao gồm hai khía cạnh: cải biến kỹ thuật và phát triển kinh tế thị trường. Việt Nam đã bắt đầu tiến hành CNH từ thập niên 60 của thế kỷ XX và đã có những thay đổi lớn trong nhận thức về CNH, đặc biệt là từ thời kỳ đổi mới kinh tế (năm 1986). Để đảm bảo thành công của CNH, Việt Nam đã triển khai rộng rãi công tác tổng kết đánh giá lý luận và thực tiễn về CNH. Bài viết tập trung đánh giá sự phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về CNH trong thời kỳ đổi mới, nhất là từ khi triển khai thực hiện đường lối CNH rút ngắn (Đại hội Đảng lần thứ IX, năm 2001) cho đến nay.

2. Nhìn lại những thay đổi nhận thức của Đảng về công nghiệp hóa qua các kỳ Đại hội

2.1. Sự thay đổi nhận thức về nội hàm (nội dung) của CNH

Theo quan niệm của Kinh tế chính trị học, CNH là một quá trình “kép”, bao gồm: (1) Sự chuyển biến về khía cạnh vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế (phần cứng): CNH là quá trình chuyển biến căn bản trình độ kỹ thuật của nền kinh tế, từ trình độ thủ công chuyển sang trình độ cơ khí; thay thế nền kinh tế nông nghiệp thành nền kinh tế công nghiệp; (2) Sự chuyển biến về khía cạnh cơ chế - thể chế (phần mềm): CNH cũng chính là quá trình cải biến hệ thống thể chế và cơ chế kinh tế, từ nền kinh tế hiện vật - khép kín, tự túc sang nền kinh tế thị trường dựa trên sự phân công lao động xã hội phát triển mạnh mẽ (Dẫn theo: Đỗ Hoài Nam, Trần Đình Thiên, 2009). Theo cách hiểu trên, có thể tổng kết sự phát triển

nhận thức của Đảng về nội hàm CNH như sau (Xem: Bảng 1):

(1) *Xét khía cạnh CNH là quá trình cải biến yếu tố vật chất - kỹ thuật, cải biến cơ cấu kinh tế, có thể hệ thống hóa thành 3 bước phát triển về nhận thức như sau:*

- *Giai đoạn 1 (từ Đại hội III đến Đại hội VI) của quá trình CNH xã hội chủ nghĩa (XHCH): sự phát triển nhận thức của Đảng về mô hình CNH.* Ban đầu, quan điểm ưu tiên phát triển công nghiệp nặng được nhấn mạnh, nhưng thực tế đã chỉ ra điều này không thành công do thiếu các điều kiện cần thiết. Hậu quả là, kinh tế suy thoái, thiếu lương thực và hàng tiêu dùng. Trước tình hình này, Đảng đã điều chỉnh đường lối, tập trung vào phát triển nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng. Đến Đại hội VI, ba chương trình kinh tế lớn của Nhà nước đã được phát triển, gồm: sản xuất lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất hàng xuất khẩu. Những bước chuyển này đã hướng tới một đường lối CNH hoàn toàn mới trong những giai đoạn sau.

- *Giai đoạn 2 (từ Đại hội VII đến Đại hội VIII) chuyển từ tư duy cải biến cơ sở vật chất kỹ thuật trong quá trình CNH theo kiểu “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng” sang tư duy CNH gắn với hiện đại hóa (HĐH) (từ Đại hội VIII, cụm từ CNH-HĐH luôn đi đôi với nhau).* Việc gắn HĐH với CNH là thể hiện sự phát triển tư duy về CNH của Đảng theo đúng bản chất và yêu cầu của CNH. CNH phải là quá trình ứng dụng công nghệ mới ngày càng hiện đại vào hoạt động kinh tế và đời sống xã hội nhằm cải biến phương thức lao động từ thủ công, lạc hậu tới tiên tiến, hiện đại, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao.

- *Giai đoạn 3 (từ Đại hội IX đến Đại hội XIII): sự phát triển của tư duy “rút ngắn - hiện đại” trong quá trình cải biến*

Bảng 1: Tổng hợp sự phát triển nhận thức của Đảng về nội hàm của CNH

Kỳ Đại hội (năm)	Nhận thức khía cạnh CNH là quá trình cải biến yếu tố vật chất - kỹ thuật	Nhận thức khía cạnh CNH là quá trình cải biến cơ chế, thể chế, chính sách
III (1960)	Thực hiện ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời với phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.	Chưa đặt quá trình cải biến yếu tố kỹ thuật - vật chất với quá trình chuyển đổi kinh tế thị trường. Thực hiện CNH bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung - mệnh lệnh.
IV (1976)	Thực hiện ưu tiên phát triển CNH một cách hợp lý trên cơ sở nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.	
V (1981)	Vận dụng linh hoạt quy luật CNH trên bằng quan điểm: tập trung sức phát triển nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên mặt trận hàng đầu, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.	
VI (1986)	CNH dựa trên 3 chương trình kinh tế: chương trình sản xuất lương thực - thực phẩm; Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng; Chương trình sản xuất hàng xuất khẩu.	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt đầu chấp nhận thị trường là cơ chế mới điều tiết quá trình CNH. - Coi “mở cửa” là phương thức, là nguyên tắc quan trọng để thực hiện CNH. - Khu vực kinh tế tư nhân là lực lượng quan trọng trong CNH. - Doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo.
VII (1991)	Thực hiện quá trình CNH gắn với HĐH.	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành và phát triển cơ chế thị trường định hướng XHCN. - Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. - Doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân.
VIII (1996)		
IX (2001)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện CNH rút ngắn - hiện đại - Kết hợp phát triển các ngành có lợi thế và một số ngành công nghiệp nặng, một số ngành có công nghệ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kinh tế thị trường mang tính toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. - Khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Kinh tế tư nhân chính thức được xác nhận là một thành phần kinh tế và có vai trò là một trong những động lực của nền kinh tế.
X (2006)	Coi kinh tế tri thức là một động lực cải biến các yếu tố vật chất - kỹ thuật	
XI (2011)	<ul style="list-style-type: none"> - CNH dựa trên phân công lao động quốc tế, chuỗi giá trị toàn cầu. - CNH gắn với phát triển bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập quốc tế, tham gia sâu, rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. - Tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Khuyến khích thành lập tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.
XII (2016)	<ul style="list-style-type: none"> - CNH dựa trên việc lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu. - Nâng cao chất lượng CNH dựa trên kết hợp phát triển theo chiều rộng và sâu, kết hợp phát triển nhanh và bền vững, nhấn mạnh chất lượng tăng trưởng dựa trên năng suất và năng lực cạnh tranh. 	
XIII (2021)	<ul style="list-style-type: none"> - CNH, HĐH trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực so với khu vực và thế giới. - Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. - Xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế. - Nhấn mạnh mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội. - Khẳng định: Kinh tế nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận quan trọng của nền kinh tế.

Nguồn: Tổng hợp từ các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam.

yếu tố vật chất - kỹ thuật. Đại hội X đã xác định rõ hơn ba nội dung chính của quan điểm này: ưu tiên hội nhập, tận dụng tiềm năng và lợi thế so sánh của đất nước, và nhấn mạnh vai trò của kinh tế tri thức. Đại hội XI đã đặt quá trình CNH rút ngắn trong mối quan hệ với phát triển bền vững. Đến Đại hội XII và XIII, Đảng nhấn mạnh việc thực hiện quá trình CNH rút ngắn để sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

(2) *Xét khía cạnh CNH là quá trình cải biến yếu tố cơ chế, thể chế chính sách phát triển kinh tế thị trường, có thể tổng hợp*

thành 3 giai đoạn phát triển về nhận thức của Đảng như sau:

- *Giai đoạn 1* (từ Đại hội III đến Đại hội V): Quá trình CNH trong *giai đoạn này được thực hiện trong khuôn khổ của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung mệnh lệnh*. Mọi nội dung CNH đều được tích hợp vào kế hoạch tập trung thống nhất của Nhà nước, từ Trung ương đến đơn vị cơ sở kinh tế thấp nhất. Mục tiêu, chỉ tiêu và nguồn lực cho CNH đều được quản lý thống nhất bởi Nhà nước thông qua hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh và được cấp phát - giao nộp. Kết quả là, chúng ta đã thành công trong việc xây dựng hệ thống các đơn vị kinh tế quy mô lớn trong các ngành công nghiệp nặng chủ chốt (từ nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ

Bảng 2: Tổng hợp sự phát triển nhận thức của Đảng về mô hình CNH

Kỳ Đại hội	Mô hình áp dụng	Nội dung mô hình
III	Mô hình CNH - XHCN	- Chủ thể điều tiết: Nhà nước, qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung.
IV		- Động lực thực hiện: khu vực kinh tế nhà nước.
V		- Trình tự thực hiện: ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. - Nguồn lực cho CNH: chủ yếu là nội địa và sự giúp đỡ của hệ thống các nhà nước XHCN.
VI	Mô hình CNH hỗn hợp	- Chủ thể điều tiết: kết hợp Nhà nước với thị trường.
VII		- Động lực thực hiện: kết hợp khu vực kinh tế nhà nước với khu vực tư nhân. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo.
VIII		- Trình tự thực hiện: kết hợp phát triển ngành có lợi thế với một số ngành công nghiệp nặng và công nghiệp dựa trên công nghệ cao. - Nguồn lực cho CNH: kết hợp nội địa với nguồn lực bên ngoài, trong đó nguồn nội địa là chủ đạo.
IX	Mô hình CNH rút ngắn - hiện đại	- Chủ thể điều tiết: kết hợp Nhà nước và thị trường.
X		- Động lực thực hiện: khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân, trong đó, kinh tế nhà nước dẫn dắt, kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng.
XI		- Trình tự thực hiện (Rút ngắn): + Kết hợp hướng ngoại với phát triển thị trường nội địa. + Kết hợp phát triển theo chiều rộng và sâu, nhấn mạnh chất lượng phát triển. + Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng dựa trên phát triển các điểm động lực tăng trưởng. + Gắn CNH với phát triển bền vững.
XII		+ Đẩy mạnh khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.
XIII		+ Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho mục tiêu bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới. - Nguồn lực cho CNH: kết hợp nguồn nội địa với bên ngoài, đa dạng hóa các nguồn lực bên ngoài.

Nguồn: Tổng hợp từ các văn kiện Đại hội Đảng.

II ở miền Bắc) và Đại hội Đảng lần thứ IV, V ở các miền Bắc và miền Nam.

- *Giai đoạn 2* (từ Đại hội VI đến Đại hội IX): Quá trình này là *sự chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung mệnh lệnh sang cơ chế kinh tế thị trường với sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng XHCN*. Đại hội VI đã xác định thị trường là một cơ chế phân bổ nguồn lực. Đại hội VIII đã khẳng định chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường định hướng XHCN. Đến Đại hội IX, cơ chế chi phối quá trình CNH được xác định là cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng XHCN, với khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

- *Giai đoạn 3* (từ Đại hội X đến Đại hội XIII): *Quá trình hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*. Đảng đã xác định rõ nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN. Trong nền kinh tế này, khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được coi là bộ phận quan trọng. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nhấn mạnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với điều ước quốc tế và cam kết quốc tế.

2.2. Sự thay đổi nhận thức của Đảng về mô hình CNH

Lịch sử CNH trên thế giới đã tổng kết 4 mô hình CNH, đó là mô hình CNH cổ điển (đặc trưng là CNH kiểu nước Anh), mô hình CNH XHCN (kiểu của Liên Xô cũ và các nước Đông Âu XHCN), CNH hỗn hợp (kiểu CNH của Nhật Bản) và CNH rút ngắn hiện đại (kiểu của Hàn Quốc). Dựa vào đặc trưng chủ yếu của các mô hình CNH diễn ra trên thế giới, tổng kết sự phát

triển nhận thức, tư duy của Đảng và sự vận hành trên thực tế quá trình CNH ở Việt Nam, có thể chia thành 3 giai đoạn với 3 mô hình khác nhau được thể hiện ở Bảng 2, cụ thể là:

Giai đoạn 1 (thời kỳ Đại hội Đảng lần thứ III, IV và V) - *Mô hình CNH XHCN*: Trong thời kỳ này, Nhà nước sử dụng cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chính là chủ thể thực hiện điều tiết quá trình CNH ở Việt Nam và yếu tố động lực (lực lượng chính) của quá trình CNH chính là lực lượng kinh tế nhà nước (nòng cốt là các doanh nghiệp nhà nước). Trình tự thực hiện quá trình cải biến yếu tố vật chất - kỹ thuật là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, tức là CNH bắt đầu từ phát triển công nghiệp nặng. Nguồn vốn cho CNH chủ yếu là nguồn vốn nhà nước kết hợp với sự trợ giúp của hội đồng tương trợ kinh tế - tổ chức của hệ thống các nước XHCN.

Giai đoạn 2 (thời kỳ Đại hội VI, VII và VIII) - *Mô hình CNH hỗn hợp*: Trong thời kỳ này, tính chất hỗn hợp thể hiện rõ trên các khía cạnh: chủ thể điều tiết quá trình CNH là sự kết hợp giữa Nhà nước và thị trường, thị trường là cơ chế mới tham gia phân bổ nguồn lực cho CNH; yếu tố động lực cho quá trình CNH là sự kết hợp giữa lực lượng kinh tế nhà nước và lực lượng kinh tế tư nhân; yếu tố nguồn lực (vốn) cho CNH là nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài (với vai trò rất quan trọng của dòng ODA và FDI).

Giai đoạn 3 (các Đại hội IX, X, XI, XII, XIII) - *Mô hình CNH rút ngắn - hiện đại*: Trong thời kỳ này, các khía cạnh liên quan đến yếu tố điều tiết, động lực thực hiện vẫn như giai đoạn trước (mang tính hỗn hợp), tuy nhiên đã được chính thức hóa rõ ràng hơn, được thể chế hóa cụ thể hơn, nhất là yếu tố khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

tính chất rút ngắn - hiện đại được thể hiện trong quan điểm: rút ngắn thời gian và tốc độ thực hiện CNH nhằm đuổi kịp các nước phát triển trên thế giới. Để thực hiện rút ngắn, Đảng cho rằng: Về lộ trình thực hiện phát triển các ngành, cần kết hợp giữa phát triển các ngành có lợi thế (sau này là lợi thế động - Đại hội XI) với phát triển có chọn lọc các ngành công nghiệp nặng (đây là điều khác biệt so với mô hình CNH hỗn hợp trước đây); Đẩy mạnh các ngành công nghệ cao, công nghệ mới và áp dụng trong các ngành khác của nền kinh tế, chú trọng phát triển các điểm động lực tăng trưởng kinh tế như các ngành mũi nhọn và vùng trọng điểm, đẩy mạnh phát triển xuất khẩu (Đại hội XII); Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới (Đại hội XIII).

3. Đánh giá sự phát triển nhận thức của Đảng về công nghiệp hóa

Từ những khái quát trên, có thể rút ra những thành tựu và hạn chế trong phát triển nhận thức của Đảng về CNH như sau:

3.1. Những thành tựu

(i) *Sự phát triển liên tục trong nhận thức của Đảng về nội hàm của CNH*

Trong suốt quá trình phát triển đất nước, Đảng đã thay đổi nhận thức về CNH theo hướng hoàn thiện hơn.

- Về cải biến vật chất - kỹ thuật: từ quan điểm ưu tiên phát triển công nghiệp nặng (Đại hội III, IV), Đảng đã chuyển sang kết hợp phát triển công nghiệp nặng với công nghiệp nhẹ và nông nghiệp (Đại hội V, VI), rồi đến quan điểm CNH theo hướng hiện đại và rút ngắn thời gian (Đại hội IX, X), và cuối cùng là CNH gắn với mục tiêu phát triển bền vững và phát triển vì con người (Đại hội XI, XII, XIII).

- Về cải biến cơ chế, thể chế chính sách: Đảng đã chuyển từ việc duy trì CNH với cơ chế kế hoạch hóa tập trung mệnh lệnh (Đại hội III, IV, V) sang việc hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X), và cuối cùng là hoàn thiện kinh tế thị trường trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập (Đại hội XI, XII, XIII).

(ii) *Sự hoàn thiện tư duy, nhận thức của Đảng về mô hình CNH ngày càng phù hợp hơn với xu hướng chung của toàn thế giới*

Từ nhiệm kỳ Đại hội III đến Đại hội VI, Đảng đã nhận ra thất bại của mô hình CNH XHCN khi ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, quy mô lớn, hiện đại. Điều này dẫn đến sự chuyển đổi tư duy và nhận thức về mô hình CNH, tạo ra một mô hình CNH “hỗn hợp” được hoàn thiện trong thời kỳ Đại hội VII và Đại hội VIII. Mô hình này kết hợp giữa thành phần kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác, với vai trò điều tiết của Nhà nước và thị trường, hướng tới phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Từ Đại hội IX đến Đại hội XIII, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã chuyển từ mô hình CNH hỗn hợp sang mô hình CNH rút ngắn - hiện đại, nhấn mạnh tính rút ngắn và tính bền vững để ứng phó với thách thức của nền kinh tế toàn cầu.

3.2. Những hạn chế

(i) *Tính chất không đồng bộ trong đổi mới nhận thức về hai yếu tố cấu thành nội hàm của quá trình CNH*

- *Giai đoạn từ Đại hội III đến Đại hội VI: Có sự đổi mới trong nhận thức nội dung cải biến kỹ thuật - vật chất và cơ cấu kinh tế, nhưng sự thay đổi nhận thức về đổi mới cơ chế, thể chế kinh tế theo hướng kinh tế thị trường thì đến Đại hội VI mới xuất hiện.*

Trong quá trình thực hiện mô hình CNH XHCN từ Đại hội III đến VI, Đảng đã thể hiện sự linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách dựa trên nhu cầu thực tế. Đảng đã nhận ra tầm quan trọng của việc cải biến kỹ thuật, công nghệ và cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, quá trình CNH vẫn dựa vào tư duy của cơ chế kế hoạch hóa tập trung mệnh lệnh, phủ nhận thị trường, thành phần kinh tế tư nhân vẫn bị coi là đối tượng cần phải “cải tạo”.

- Giai đoạn từ Đại hội VI đến Đại hội VIII: Liên tục có sự đổi mới trong nhận thức về cơ chế, thể chế kinh tế thị trường nhưng nhận thức về nội dung tiến trình đổi mới về vật chất, kỹ thuật, cải biến cơ cấu kinh tế gần như không có thay đổi.

Đại hội VI đã khởi động quá trình chuyển đổi mô hình CNH của Việt Nam từ mô hình CNH XHCN sang mô hình CNH theo kiểu hỗn hợp, trong đó thị trường đóng vai trò quan trọng trong phân bổ nguồn lực và kinh tế nhiều thành phần được thừa nhận là những lực lượng thực hiện CNH. Đến Đại hội VIII, nền kinh tế nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường định hướng XHCN được khẳng định là yếu tố cơ bản của đường lối CNH, HĐH ở Việt Nam. Tuy nhiên, phương thức đổi mới yếu tố vật chất, kỹ thuật, cải biến cơ cấu kinh tế chưa có sự thay đổi rõ rệt từ Đại hội VI đến Đại hội VIII. Ba Chương trình kinh tế lớn gồm Chương trình lương thực - thực phẩm, Chương trình hàng tiêu dùng và Chương trình hàng xuất khẩu vẫn là những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện đường lối CNH trong giai đoạn này.

- Giai đoạn từ Đại hội IX đến Đại hội XIII: Tư duy nhận thức của Đảng về phương thức đổi mới yếu tố kỹ thuật vật chất cũng như yêu cầu của quá trình này có sự thay đổi hoàn thiện khá tích cực nhưng nhận thức về thể chế, cơ chế chính sách

cho phát triển kinh tế thị trường lại gần như không có sự chuyển biến mới.

Đổi mới tư duy về CNH thể hiện rõ trong việc chuyển sang mô hình CNH rút ngắn từ Đại hội IX. Điểm nổi bật là đẩy mạnh hướng ngoại, thu hút FDI và các dòng vốn nước ngoài, rút ngắn thời gian và tốc độ CNH. Từ Đại hội XI, việc rút ngắn còn gắn chặt với phát triển bền vững, là nền tảng để rút ngắn. Ngược lại, đổi mới về cơ chế, thể chế thị trường định hướng XHCN lại ít được đặt ra. Dù xác định khu vực tư nhân là động lực quan trọng, nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập và phân biệt giữa các khu vực kinh tế.

(ii) Những nhận thức không đầy đủ về nội dung mô hình CNH rút ngắn - hiện đại và điều kiện thực hiện

- Về nhận thức nội dung CNH rút ngắn

Đại hội IX xác định rõ mô hình CNH rút ngắn hiện đại để đuổi kịp các nước, nhưng nhận thức về nội dung của mô hình này còn hạn chế:

Một là, Đại hội chỉ nhấn mạnh đến việc phải tăng tốc độ CNH mà chưa xác định rõ ràng tính bền vững và hiệu quả của quá trình này. Do đó, Việt Nam đã tăng trưởng kinh tế rất nhanh nhưng điều đó đồng thời cũng dẫn đến sự cạn kiệt nguồn lực trên nhiều phương diện, kết quả là phải trả giá quá đắt cho sự tăng trưởng vội vàng này.

Hai là, Đại hội chỉ nhấn mạnh đến việc cần kết hợp nguồn lực trong nước và nước ngoài nhưng lại hoàn toàn bị động trong việc tiếp nhận và sử dụng nguồn lực từ bên ngoài. Vì vậy, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) không giúp Việt Nam đạt được mục tiêu xây dựng nền tảng công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ quản lý theo chuẩn mực quốc tế.

Ba là, Đại hội chỉ nhấn mạnh đến việc cần xây dựng các động lực tăng trưởng mới như các ngành kinh tế mũi nhọn, các khu

công nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm, nhưng lại chưa có nhận thức đầy đủ về việc các động lực tăng trưởng này cần đáp ứng những tiêu chí và điều kiện gì. Chính vì vậy, Việt Nam chưa thực sự thành công trong việc phát triển các động lực tăng trưởng mới này.

Bốn là, Đại hội chỉ nhấn mạnh đến yêu cầu phát triển công nghệ cao nhưng lại chưa có nhận thức đầy đủ về công nghệ cao và cách triển khai để có được công nghệ cao. Do đó, Việt Nam vẫn chưa có được chiến lược rõ ràng và hiệu quả để phát triển và tiếp thu công nghệ cao.

- Về những điều kiện thực hiện CNH rút ngắn

So với các nước Công nghiệp mới (NIC) Đông Á đã thành công trong CNH rút ngắn như Hàn Quốc và Đài Loan, Việt Nam vẫn thiếu một số điều kiện then chốt để thực hiện mô hình này. Tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn có cơ hội cải thiện các điều kiện đó nếu có nhận thức đúng đắn và chiến lược phù hợp:

Một là, vai trò của khu vực tư nhân ở Việt Nam vẫn còn hạn chế so với các nước NIC. Lực lượng doanh nghiệp tư nhân non trẻ, quy mô nhỏ; khu vực nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế; sân chơi giữa hai khu vực chưa bình đẳng. Chính sách nhà nước cần tạo điều kiện để khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn, đóng vai trò chủ đạo trong CNH.

Hai là, cơ chế thị trường tại Việt Nam còn nhiều hạn chế, trong khi một số chính sách của Nhà nước lại đi ngược lại cơ chế thị trường. Điều này làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực, cản trở các lực lượng sáng tạo trong xã hội.

Ba là, bối cảnh quốc tế mà Việt Nam thực hiện CNH rút ngắn có nhiều khác biệt so với thời kỳ trước đây. Các ràng buộc quốc tế về mậu dịch, đầu tư ngày càng

chặt chẽ hơn. Việt Nam thiếu nguồn vốn “cú hích” ban đầu như các nước NIC trước kia. Đây là những khó khăn lớn đối với quá trình CNH rút ngắn của Việt Nam.

4. Đề xuất một số hoàn thiện mới trong nhận thức về CNH

Thực hiện CNH để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vẫn là nhiệm vụ và mục tiêu hàng đầu trong đường lối phát triển kinh tế đất nước những năm tiếp theo. Để có những “cú hích” mạnh hơn trong đường lối CNH sẽ được xác định trong văn kiện Đại hội sau, có lẽ vấn đề quan trọng nhất là cần phải có những hoàn thiện mới hơn trong nhận thức của Đảng về CNH. Với suy nghĩ đó, chúng tôi đề xuất một số điểm mới trong nhận thức về CNH ở Việt Nam trong thời gian tới như sau:

4.1. Cần nhận thức đầy đủ, đồng bộ hơn về nội dung của CNH và những yếu tố kinh tế tạo “cú hích” quyết định sự thành công trong thực hiện CNH rút ngắn ở Việt Nam

Những điểm nhấn mạnh bao gồm:

(1) Cần hiểu rõ quá trình CNH là quá trình “kép”, bao gồm: (i) Sự cải biến về khía cạnh vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế (phần cứng), (ii) Sự cải biến hệ thống thể chế và cơ chế kinh tế thị trường dựa trên sự phân công lao động xã hội phát triển mạnh mẽ. Trong quá trình xây dựng chiến lược CNH đất nước, cần chú trọng đồng bộ cả hai nội dung này.

(2) CNH luôn gắn với HĐH. Cụm từ CNH - HĐH đi đôi với nhau là phản ánh đúng yêu cầu quá trình CNH trong điều kiện hiện nay. Đi đôi với CNH, phải chuyển dịch cơ cấu công nghệ theo hướng hiện đại và ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

(3) Thực hiện CNH rút ngắn là một nhiệm vụ tiếp tục phải đặt ra đối với Việt Nam để giảm bớt nguy cơ tụt hậu, rút ngắn

khoảng cách của Việt Nam với các nước khác trên thế giới, trước hết là các nước NIC Đông Á và tránh nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng: *có ba yếu tố kinh tế cần phải “kích” mạnh vì đó chính là những động lực quyết định sự thành công của quá trình CNH rút ngắn ở Việt Nam (thời gian qua chưa thực sự khẳng định), đó là: (i) kinh tế tư nhân lớn mạnh để trở thành động lực kinh tế số 1 của CNH; (ii) cơ chế kinh tế thị trường hoạt động trong một nền hành chính công minh bạch phải được gắn kết với nhau với tư cách là chủ thể điều tiết quá trình đẩy mạnh CNH; (iii) yếu tố quốc tế phải được xem như là động lực cũng như chủ thể thực hiện điều tiết quá trình CNH.*

4.2. Cần phải nhận thức chuyển đổi mô hình CNH áp dụng ở Việt Nam trong thời gian tới một cách hợp lý hơn

Chúng tôi đề xuất chuyển đổi mô hình CNH rút ngắn - hiện đại (đề ra và triển khai thực hiện từ Đại hội IX) sang mô hình CNH rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế áp dụng ở Việt Nam trong thời gian tới. Lý do của đề xuất này xuất phát từ:

(1) Mô hình CNH rút ngắn - hiện đại vẫn là mô hình cần thiết phải áp dụng ở Việt Nam trong thời gian tới. Chỉ có CNH rút ngắn - hiện đại mới giúp Việt Nam thực hiện CNH với tốc độ cao hơn và thành công trong thời gian ngắn hơn.

(2) Quá trình CNH của Việt Nam hiện nay và thời gian tới được tiến hành trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế, một mặt, là sự lựa chọn và tận dụng cơ hội phát triển thông qua sự phân công lao động quốc tế mới, tạo tiền đề, điều kiện và cách thức cho các nước huy động và phân bổ nguồn lực phát triển, và mặt khác, xây dựng nền kinh tế quốc gia dựa trên nền tảng hệ thống kinh tế đa phương lãnh mạnh, cởi mở, công bằng

và không phân biệt đối xử. Do đó, có thể nói, *nhấn mạnh thêm cụm từ “hội nhập”* trong mô hình CNH chính là nhấn mạnh phương thức đúng để Việt Nam (là một nước đi sau) thực hiện CNH nền kinh tế đất nước.

4.3. Hoàn thiện và bổ sung thêm yếu tố động lực thực hiện CNH theo mô hình rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế

(1) Nội dung của mô hình CNH rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có nhận thức hoàn thiện hai yếu tố động lực thực hiện CNH vốn có ở Việt Nam, đó là: tăng cường sức mạnh cho *khu vực kinh tế tư nhân để khu vực này trở thành động lực quan trọng nhất cho việc thực hiện CNH rút ngắn*. Hiểu được những hạn chế và bất cập của khu vực tư nhân, điều quan trọng là Nhà nước sẽ phải làm tốt hơn nữa chức năng cung cấp một môi trường thể chế minh bạch và hiệu quả. Trong đó, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh với nhau một cách bình đẳng trên mọi mặt. Việc giám sát hoạt động của các khu vực kinh tế được thực hiện theo luật pháp, các thể chế chính sách định hướng và điều tiết phát triển.

(2) Mô hình CNH rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế không chỉ dựa trên hai động lực nói trên mà cần có nhận thức mới, theo đó *chấp nhận sự chi phối của các tập đoàn xuyên quốc gia với vai trò là động lực thứ ba của quá trình thực hiện CNH*. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các công ty xuyên quốc gia là chủ thể chính – “vừa là đạo diễn, vừa là diễn viên” - của kinh tế thế giới, có mặt ở khắp nơi với nhiều chiến lược: kết thành mạng lưới, sáp nhập, chia nhỏ,... đã và đang chi phối hầu hết các hoạt động chủ yếu của kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò định vị cho từng

quốc gia, lựa chọn sự tham gia của từng quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

4.4. Hoàn thiện và bổ sung thêm yếu tố chủ thể và cơ chế vận hành quá trình CNH theo mô hình rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế

(1) Mô hình CNH rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế đòi hỏi phải hoàn thiện và phân định sân chơi của hai yếu tố chủ thể điều tiết quá trình CNH là thị trường và Nhà nước theo hướng: *Thị trường - chủ thể thứ nhất* - đóng vai trò điều tiết quá trình sản xuất và dịch vụ, quá trình thực hiện cải biến cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế theo yêu cầu của CNH. *Nhà nước - chủ thể thứ hai* - đóng vai trò định hướng, điều tiết vĩ mô và hỗ trợ quá trình thực hiện CNH. Trong quá trình hoàn thiện hai chủ thể này, cần quán triệt quan điểm: *Thị trường xuất hiện ở mọi nơi, còn Nhà nước chỉ xuất hiện ở những nơi cần thiết và hướng đến, Nhà nước đóng vai trò bệ đỡ, hậu thuẫn, bọc lót vững chắc cho khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước.*

(2) Điểm nhấn mạnh trong mô hình CNH rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế là cần có nhận thức về một chủ thể mới điều tiết quan trọng quá trình CNH, đó là các định chế khu vực và quốc tế, hay nói cụ thể là *CNH gắn chặt chẽ với việc thực hiện các cam kết hội nhập khu vực và quốc tế* (như gia nhập AFTA, APEC, WTO...). Đây là điều hết sức quan trọng mà một nước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế phải tính đến. Yếu tố định chế quốc tế sẽ còn hậu thuẫn cho Việt Nam về nhiều mặt (như: thị trường, các nguồn lực, kinh nghiệm tổ chức và quản lý...) nhằm tạo môi trường phát triển với nhiều cơ hội đồng đều, ít khác biệt và cách biệt, điều này cũng khiến tiến trình CNH của các nước đi sau được thực hiện thuận lợi nhất.

4.5. Có nhận thức đúng đối với việc bảo đảm nguồn lực cho CNH theo mô hình rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế

Nguồn lực cho quá trình CNH rút ngắn - hiện đại - hội nhập quốc tế vẫn là sự kết hợp giữa nguồn nội lực và ngoại lực (bao gồm cả nguồn tài chính, nguồn vốn nhân lực và công nghệ cho CNH). Tuy nhiên, khi đã xác định các yếu tố quốc tế vừa là động lực, vừa là chủ thể điều tiết thì cần phải xác định vai trò của nguồn lực quốc tế một cách chính xác hơn, cụ thể:

(1) Không nên phân biệt nguồn lực nào (nội lực hay ngoại lực) đóng vai trò chủ đạo và quyết định, vì nguồn lực cho CNH theo mô hình này là nguồn lực được huy động và phân bổ từ các nguồn lực của nhiều nước cho sự phát triển nền công nghiệp hiện đại của một nước, cũng đồng thời là quá trình phát triển kinh tế thị trường và các thể chế kinh tế thị trường tương thích với nền công nghiệp của nước đó.

(2) Đa dạng hóa và khơi thông các nguồn lực trong nước và quốc tế cho CNH. Nguồn lực không dừng lại ở các nguồn lực vật chất hữu hình mà còn là các nguồn lực mềm, vô hình, liên quan đến các dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao như các dịch vụ về kinh doanh, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

(3) Vẫn cần xác định vai trò chủ động của yếu tố nội lực trong quá trình đa dạng hóa các nguồn lực cho CNH. Tính chủ động ở đây muốn nói đến: (i) khả năng đối ứng khi tiếp nhận các nguồn lực quốc tế khi cần có đòi hỏi đối ứng; (ii) chủ động kiểm soát được các nguồn lực bên ngoài; (iii) chủ động xây dựng mô hình gắn kết sử dụng nguồn lực từ nhiều nguồn khác nhau.

5. Kết luận

Trải qua nhiều năm theo đuổi mục tiêu CNH đất nước, quan điểm của Đảng đã luôn được hoàn thiện trên cả hai phương

diện cải biến kỹ thuật và thay đổi cơ chế chính sách kinh tế, thể hiện rõ trong những thay đổi các mô hình CNH thích ứng. Để thực hiện nhiệm vụ đặt ra (đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu CNH, hiện đại hóa, đạt trình độ phát triển ở mức thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại có mức thu nhập cao), cần triển khai thực hiện tốt mô hình CNH dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó, một mặt, cần tiếp tục đẩy mạnh chiến lược hội nhập quốc tế, tận dụng lợi thế đi sau để thực hiện có hiệu quả chuyển giao công nghệ hiện đại từ bên ngoài, mặt khác, cần coi trọng nhiều hơn đến nghiên cứu và triển khai trong nước (R&D) trong đó nhấn mạnh đến vai trò nòng cốt của các khu công nghệ cao và các trường đại học. Sử dụng sức mạnh của ngoại lực (chuyển giao công nghệ) hay nội lực (R&D) trong giai đoạn hiện nay, đều cần lấy các thành quả của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, xu hướng chuyển đổi, áp dụng kỹ thuật số, kinh tế số là nền tảng, đó chính là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với thời đại ngày nay và quyết định sự thành công □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Kinh tế Trung ương (2014), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016) về đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII*.
3. An Như Hải (2015), “Quá trình đổi mới lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam”; *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 3, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/1177-qua-trinh-doi-moi-ly-luan-ve-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-cua-viet-nam.html>.
4. Trần Thị Vân Hoa (2020), *Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Ngô Thắng Lợi (Chủ biên, 2014), *Báo cáo tổng kết 30 năm đổi mới vấn đề công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
6. Đỗ Hoài Nam, Trần Đình Thiên (2009), *Mô hình CNH, HĐH theo định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Cao Đức Phát (2022), “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ trương, chính sách CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, *Trang thông tin điện tử*, Hội đồng Lý luận Trung ương ngày 04/7/2022, <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/mot-so-van-de-ly-luan-thuc-tien-ve-chu-truong-chinh-sach-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045.html>
8. Nguyễn Quang Thuán (2021), “Những điểm mới về kinh tế trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 969 tháng 7.
9. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2018), *Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp cận theo mục tiêu phát triển đất nước*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia.